

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07 /2020/HNGĐ - ST

Ngày 14/8/2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mười
Ông Phạm Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:
Bà Giang Thị Q Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/HNGĐ - QĐ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1989

HKTT: Xóm V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Khu tập thể B, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm V, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa chị M trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Minh Đ hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình ngày 02/02/2016 Sau khi cưới vợ

chồng sống hạnh phúc được thời gian khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, chị đã bị anh Đ vài lần sử dụng vũ lực bạo hành nhưng được gia đình khuyên nhủ vun vén vợ chồng vẫn chung sống với nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại kéo dài và trầm trọng. Đến tháng 11/2019 thì vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Minh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung là cháu Lê Như Q, sinh ngày 29/9/2016. Khi vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q và yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo qui định vì những lý do sau: Thứ nhất là: Từ nhỏ cháu Q đã sống cùng chị nên chị rất hiểu tâm lý của cháu; Thứ hai là: hiện tại cháu Q còn nhỏ mà lại là con gái sau này còn phát triển tâm sinh lý nên càng cần sự chăm sóc gần gũi của mẹ nhiều hơn; Thứ ba là: hiện tại chị là giáo viên có mức lương hàng tháng ổn định nên bảo đảm được cuộc sống cho cháu; Thứ tư là về chỗ ở thì hiện tại chị và cháu Q đang ở trong khu tập thể của B nên an ninh rất tốt và đảm bảo; Thứ năm là hiện tại cháu Q đang học tại Trường mầm non nơi chị công tác thì có điều kiện đưa đón cháu. Còn anh Đ do đặc thù công việc là lái tàu thường xuyên đi làm xa nhà, có khi mỗi lần đi thì khoảng 2 đến 3 tháng mới về một lần, khi tàu chạy nước ngoài thì cả năm mới về trong khi ông bà nội của cháu thì đã già yếu không thể giúp cho anh chăm sóc cháu trong khi mẹ cháu đang khỏe mạnh. Từ những lý do trên nên chị đề nghị Tòa án giao con là cháu Lê Như Q cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc khi vợ chồng ly hôn là tốt nhất.

- Về tài sản chung và công nợ: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại các bản tự khai anh Đ trình bày: Anh kết hôn với chị Phạm Thị M là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình ngày 02 tháng 02 năm 2016. Sau khi kết hôn một năm thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về cuộc sống, gia đình và kinh tế, công việc của cả hai bên. Vợ chồng đã nhiều lần cãi nhau và không đi đến hòa giải mâu thuẫn được. Cuộc sống vợ chồng ngày càng bế tắc, không tìm được tiếng nói chung, hạnh phúc gia đình gần như không còn. Bản thân anh là thủy thủ tàu biển, công việc vất vả và thường xuyên xa nhà, khi được nghỉ chỉ mong muốn có gia đình yên ấm bên cạnh nhưng

chị M thường xuyên trách móc và đay nghiến anh. Do vậy anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị M.

- Về con chung: Anh và chị M có một con chung là cháu Lê Như Q, sinh ngày 29/9/2016. Khi vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con. Vì anh có nhà ở cùng với bố mẹ; thu nhập của anh bình quân trên 25 triệu đồng một tháng và gia đình anh mới chỉ có cháu Q là duy nhất nên việc chăm sóc và yêu thương cháu luôn giành được sự quan tâm tốt nhất. Còn chị M do tính chất công việc thường xuyên phải đi sớm và phải trực trưa tại trường học, không có nơi ở ổn định, thu nhập thấp và sức khỏe không tốt nên nếu cháu Q ở với chị M thì không tốt bằng ở với anh. Do vậy anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật : Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian. Các đương sự cơ bản chấp hành việc triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.; bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án đến tham gia phiên tòa, Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 57, 81, 82, 83, Điều 116 Luật hôn nhân gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Lê Minh Đ.

Về con chung: Giao cháu Lê Như Q, sinh ngày 29/9/2016 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M với mức: từ 1.500.000đ đến 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Q đủ tuổi thành niên.

Án phí: Chị M và anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì bị đơn là anh Lê Minh Đ có hộ khẩu thường trú tại Xóm Vạn, xã Y, huyện Y. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định tại Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án huyện Yên Mô đã triệu tập hợp lệ hai lần anh Đ đến tham gia phiên tòa nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Mô tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với điểm b khoản 2 - Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị M và anh Lê Minh Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được thời gian khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị luôn bất đồng trong quan điểm sống, không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và có lần anh Đ đã đánh chị M. Mặc dù đã được gia đình khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, anh Đ chị M đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xin ly hôn, anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị M. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị M, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Lê Minh Đ là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cả chị M và anh Đ đều xác nhận anh chị có một con chung là cháu Lê Như Q, sinh ngày 29/9/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay cả chị M và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q sau khi vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử thấy:

Cả anh Đ và chị M đều có nguyện vọng được nuôi cháu Q và đều chứng minh có đủ điều kiện chăm sóc cháu Q để cháu Q phát triển tốt nhất như cả anh Đ, chị M đều có công việc và thu nhập ổn định, anh Đ thu nhập mỗi tháng 25.000.000đ chị M thu nhập mỗi tháng 6.000.000đ và đều chứng minh có chỗ

ở ổn định, do vậy cả anh Đ, chị M đều đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Tuy nhiên, anh Đ, chị M chỉ có một con chung là cháu Lê Như Q từ nhỏ đến nay cháu Q đều do chị M chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa chị M là giáo viên nên có thời gian chăm sóc con tốt hơn trong khi anh Đ làm nghề lái tàu, thường xuyên phải vắng nhà có thời gian đến 2 tháng nên điều kiện chăm sóc con của anh Đ sẽ không bằng chị M. Do vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình thường và hạn chế đến việc xáo trộn về tâm sinh lý cho cháu Q khi anh Đ và chị M ly hôn, hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của chị M giao cháu Lê Như Q cho chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q đủ tuổi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chị M và anh Đ đều giành quyền nuôi con. Anh Đ trình bày nếu được quyền nuôi con thì không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị M xin được nuôi con và đề nghị anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi tháng từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm và cũng là quyền của cha mẹ, nên cha mẹ không trực tiếp chăm sóc con chung thì có trách nhiệm đóng góp phí tổn để nuôi con chung. Do vậy yêu cầu của chị M đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ được chấp nhận. Xét mức thu nhập của anh Đ đã khai tại Tòa án, anh là thuyền trưởng hàng tháng thu nhập bình quân là 25.000.000đ, để đảm bảo đủ điều kiện cho cháu Q sinh hoạt bình thường sống tại thành phố Ninh Bình nên buộc anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Q thành niên đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị M và anh Đ không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nên anh Đ phải nộp án phí cấp dưỡng theo qui định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 28. Điểm a khoản 1 Điều

35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Lê Minh Đ. Quan hệ hôn nhân của chị M và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Giao cháu Lê Như Q, sinh ngày 29/9/2016 cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị M mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Q thành niên đủ 18 tuổi.

Anh Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Chị M và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, con chung.

Kể từ ngày chị M có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu anh Đ không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Phạm Thị M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2016/ 0002233 ngày 03/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Hoàn lại cho chị M 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng)

- Án phí cấp dưỡng: Anh Lê Minh Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị M có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Yên Nhân (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Hoa